

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

2. Bà Lò Thị Le.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về vụ việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX- ST ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lừ Thị H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn T, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn cũng như tại phiên tòa chị Lừ Thị H trình bày:

Chị Lừ Thị H kết hôn với anh Lường Văn T vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không do ai ép buộc và đã được UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo

phong tục tập quán của địa phương, Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T chưa về nhà chồng tại bản T, xã S mà chị H và anh T làm nhà tạm để kinh doanh bán hàng tạp hóa tại bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó chị H, anh T về sống chung với bố, mẹ đẻ của anh T một thời gian, trong thời gian chung sống với bố, mẹ anh T, tại bản T, xã S, huyện Y, tỉnh Sơn La, mới đầu thì hòa thuận, hạnh phúc, sau đó một thời gian ngắn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm nghi ngờ lẫn nhau, không tin tưởng ở nhau. Khi có mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn anh Lương Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung: Lương Trí T, sinh ngày 23/11/2017, hiện đang sống cùng chị H tại bản N, xã C, nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng mới kết hôn, chưa tạo lập được tài sản chung, nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Lương Văn T trình bày và đề nghị:

Anh kết hôn với chị H ngày 23/12/2017, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã C cấp chứng nhận kết hôn và được tổ chức cưới xin theo phong tục, tập quán. Sau khi thành hôn anh và chị H sống hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian ở trên bố mẹ vợ, sau đó về chung sống với nhau với bố mẹ đẻ của anh tại bản T xã S, Y, Sơn La. Đến tháng 6 năm 2019, anh phải đi làm xa nhà, tình cảm vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2019 anh đi làm trở về với vợ con thì có mâu thuẫn xảy ra cãi vã nhau, nên vợ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải cho vợ, chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn không nghe, không quay về nhà chồng đã gần 6 tháng nay. Hiện nay chị H có đơn ly hôn, anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh, chị trở lại đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con Lương Trí T, sinh ngày 23/11/2017, hiện đang ở với anh và bố, mẹ anh, ở bản T, xã S. Nếu chị H nhất quyết ly hôn, anh không nhất trí giao con cho chị H nuôi, anh sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên

tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện chị Lữ Thị H là có căn cứ. Do vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lữ Thị H được ly hôn anh Lương Văn T.

Về con chung: Giao Lương Trí T, sinh ngày 23/11/2017, cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lữ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lữ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết được ly hôn anh Lương Văn T, trú tại xã Sấp V, huyện Y, tỉnh Sơn La. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị H, anh Lương Văn T kết hôn với nhau vào ngày 23/12/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La và được tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T chưa về nhà chồng mà chị H và anh T làm nhà tạm để bán hàng tạp hóa tại bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, tuy thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại cãi vã nhau, nhưng hai bên lại chủ động hòa giải làm lành với nhau. Sau đó một thời gian, khoảng cuối năm 2019, chị H và anh T về sống chung với bố, mẹ đẻ của anh T tại bản T, xã S, huyện Y. Tình cảm vợ chồng vẫn có mâu thuẫn xảy ra, nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Vì không có nghề nghiệp ổn định, nên anh T phải đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng anh T về thì giữa hai vợ, chồng lại xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau, nghi ngờ về việc nợ nần, chi tiêu giữa hai vợ, chồng. Hơn nữa anh T có biểu hiện hay rượu chè, lười lao động, dẫn đến tình cảm giữa vợ, chồng ngày càng mờ nhạt. Từ đó chị H đã quay lại nhà bố, mẹ đẻ của chị ở bản N, xã C, huyện Y từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hai vợ, chồng sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên giải cho đôi bên, nhưng không ai sửa chữa khuyết điểm, chị H nhất quyết không quay lại chung sống với anh T nữa. Tại các biên bản xác minh ngày 13 và ngày 29 tháng 7 năm 2020 do Tòa án huyện Y lập, xác định chị H, anh T sống ly thân đã gần 6 tháng nay, không còn quan tâm đến nhau. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị H, anh T không còn. Xét thấy vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị xin ly hôn của chị Lữ Thị H phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Cần xử cho chị Lữ Thị H được ly hôn anh Lương Văn T.

-Về con chung: Chị Lữ Thị H, anh Lương Văn T có 01 con chung là Lương Trí T, sinh ngày 23/11/2017, hiện nay con đang ở với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều có nguyện vọng, muốn được quyền nuôi con và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H và anh T đều có phẩm chất, đạo đức lối sống, khả năng về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu Lương Trí T, sinh ngày 23/11/2017, cháu chưa được 36 tháng tuổi. Hơn nữa từ nhỏ đến giờ cháu đã quen ở bên chị H. Việc giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng có thuận lợi hơn, quyền lợi về mọi mặt cho cháu so với giao cháu cho anh Lương Văn T. Vậy cần giao cháu Lương Trí T cho chị Lữ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H chưa yêu cầu anh Lương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Lữ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lữ Thị H được ly hôn anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao Lường Trí T, sinh ngày 23/11/2017 cho chị Lữ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Anh Lường Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H chưa yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở quyền, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Lữ Thị H và anh Lường Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lữ Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0004845 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 8 năm 2020), các đương sự (Chị Lữ Thị H và anh Lường Văn T) được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Thi hành án dân sự huyện Y;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Hoàng Văn Bình